

Bản án số: 171/2024/DS-ST

Ngày 05-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Cường.
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1989; thường trú: Số G khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; thường trú: Số C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Tấn Đ trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và là hàng xóm với bà Nguyễn Thị B nên ngày 10/02/2022, ông Nguyễn Trung T có cho bà B vay số tiền 300.000.000 đồng, không thỏa thuận

về lãi suất, nhưng có thỏa thuận thời gian trả nợ là hết tháng 5/2023. Tuy nhiên, từ sau tháng 5/2023 đến nay thì bà B chỉ trả cho ông T được 60.000.000 đồng và hứa hẹn trả tiền cho ông T lần này đến lần khác, nhưng không chịu trả. Vì vậy, ông Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B trả lại cho ông T số tiền đã vay 240.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (05/6/2024) với lãi suất 0,833%/tháng với tổng số tiền là $240.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 23.990.400 \text{ đồng}$.

- *Tại bản tự khai ngày 06/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà B thống nhất ý kiến của nguyên đơn về việc bà B có vay của ông Nguyễn Trung T số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 10/02/2022, thỏa thuận đến hết tháng 5/2023 bà B sẽ thanh toán cho ông T số tiền trên. Bà B đã trả được cho ông T được số tiền 60.000.000 đồng, còn lại số tiền 240.000.000 đồng thì bà B chưa trả được cho ông T do bản thân đang gặp khó khăn về kinh tế. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà B đồng ý trả lại cho ông T số tiền đã vay 240.000.000 đồng, còn tiền lãi bà Bằng k đồng ý vì bà B không có khả năng đóng tiền lãi cho ông T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn cư trú tại số C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Thúy L là vợ của ông Nguyễn Trung T trình bày số tiền 240.00.000 đồng mà ông T cho bà Nguyễn Thị B vay, là tiền riêng của ông T, không liên quan đến bà L. Ông Lê Ngọc V là chồng của bà Nguyễn Thị B trình bày việc bà B vay của ông Nguyễn Trung T 300.000.000 đồng, sau đó trả được 60.000.000 đồng thì ông V không biết, bà Bằng k dùng số tiền này phục vụ nhu cầu chung

của gia đình. Do đó, Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Lê Ngọc V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng trong vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giấy giấy tiền ngày 10/02/2022 giữa ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị B là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự. Theo thỏa thuận của giấy vay tiền, ông T cho bà B vay số tiền 300.000.000 đồng và cam kết thời gian trả nợ là đến hết tháng 5/2023, giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Thực hiện theo cam kết trả nợ bà B đã trả cho ông T được 60.000.000 đồng, nhưng sau thời gian tháng 5/2023 bà B không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà B đồng ý trả lại cho ông T số tiền vay còn nợ 240.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.1] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Xét giấy giấy tiền ngày 10/02/2022 giữa ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị B, là hợp đồng vay tiền có thời hạn nhưng không có thỏa thuận lãi suất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 01/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (05/6/2024) với lãi suất 0,833%/tháng với tổng số tiền là $240.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 23.990.400 \text{ đồng}$, là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T với bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán ông Nguyễn Trung T tổng số tiền 263.990.400 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi 23.990.400 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 13.199.520 đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Trung T 8.562.075 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002828 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bị bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Dĩ An;
- CCTHA dân sự TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Võ Ngọc Công

